

Bản án số: 72/2022/DS-ST
Ngày: 29/7/2022
V/v tranh chấp “*hợp đồng dân sự, hui*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Dứt

2. Bà Phạm Xuân Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Lợi, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2022/TLST- DS ngày 17 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp “*Hợp đồng dân sự, hui*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 260/2022/QĐXX-ST ngày 24 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 253/2022/QĐST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 284/2022/QĐST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Trường S (Chế L), sinh năm 1972; nơi cư trú: ấp T, xã M, huyện C, tỉnh An Giang, (Có mặt).

Bị đơn: Bà Trần Thị X, sinh năm 1961; nơi cư trú: tổ 19, ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh An Giang, (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1961; nơi cư trú: tổ 19, ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh An Giang, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Phan Trường S (Chế L) trình bày: do quen biết và là người địa phương với nhau ông có tham gia nhiều dây hui do bà Trần Thị X (sáu X) làm chủ, ông tham

gia 04 dây, tại các dây hội ông tham gia ông đã đóng nhiều kỳ, hội chưa mãn nhưng bà X tự ý ngưng hội, cụ thể:

- Dây hội thứ nhất: hội 2.000.000 đồng, khai ngày 25/02/2021A1, có 25 phần, ông tham gia 02 phần, ông đã đóng 08 kỳ x 02 phần = 32.000.000đ, hội chưa mãn nhưng bà X tự ý ngưng hội từ 30/11/2021 đến nay không giao dịch hội; bà X nợ ông số tiền 32.000.000đ đối với dây hội này.

- Dây hội thứ hai: hội 2.000.000 đồng, khai ngày 25/02/2021A1, có 25 phần, ông tham gia 01 phần, ông đã đóng 08 kỳ x 01 phần = 16.000.000đ, hội chưa mãn nhưng bà X tự ý ngưng hội từ 30/11/2021 đến nay không giao dịch hội; bà X nợ ông số tiền 16.000.000đ đối với dây hội này.

- Dây hội thứ ba: hội 5.000.000 đồng, khai ngày 15/02/2021A1, có 25 phần, ông tham gia 02 phần, ông đã đóng 09 kỳ x 02 phần = 90.000.000đ, hội chưa mãn nhưng bà X tự ý ngưng hội từ 30/11/2021 đến nay không giao dịch hội; bà X nợ ông số tiền 90.000.000đ đối với dây hội này.

- Dây hội thứ tư: hội 5.000.000 đồng, khai ngày 19/6/2020A1, có 25 phần, ông tham gia 02 phần, ông đã đóng 17 kỳ x 02 phần = 170.000.000đ, hội chưa mãn nhưng bà X tự ý ngưng hội từ 30/11/2021 đến nay không giao dịch hội; bà X nợ ông số tiền 170.000.000đ đối với dây hội này.

Tổng cộng 04 dây hội trên ông đã đóng cho bà X 308.000.000 đồng, bà X tuyên bố ngưng hội từ ngày 30/11/2021 đến nay không giao dịch hội, cố tình né tránh không trả tiền hội cho ông mặc dù ông đã nhiều lần đòi tiền hội. Giữa bà Trần Thị X và ông Nguyễn Ngọc N là vợ chồng, hôn nhân vẫn còn tồn tại, còn chung sống cùng nhau; bà X làm chủ hội để làm vốn kinh doanh và sinh hoạt chung trong gia đình. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị X và ông Nguyễn Ngọc N có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền 308.000.000 đồng (Ba trăm lẻ tám triệu), không yêu cầu tính lãi.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Bản photo 04 (bốn) sổ hội (có danh sách hội viên kèm theo).

Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tuy đã được triệu tập nhiều lần đến các phiên hòa giải, công khai chứng cứ nhưng đều vắng mặt nên không thể ghi nhận ý kiến; Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, nguyên đơn Phan Trường S (Chế L) rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 66.810.000 đồng tại 04 dây hội mà ông tham gia; ông chỉ yêu cầu bà X, ông N (chồng bà X) có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hội 241.190.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất; ông S xác định khi giao dịch hội, và đóng tiền hội thì ông là người trực tiếp giao dịch với bà Xê, tất cả các lần này ông N đều không tham gia; ngoài những tài liệu, chứng cứ ông đã cung

cấp thì ông không còn tài liệu, chứng cứ nào khác. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến, không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu quan điểm:

- *Về tố tụng:* trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tuy được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:*

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, ông S rút lại một phần yêu cầu khởi kiện tại 04 dây hui với số tiền 66.810.000 đồng; ông chỉ yêu cầu bà X, ông N (chồng bà X) liên đới trả số tiền còn nợ hui 241.190.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Căn cứ ông Sơn khởi kiện là 04 giấy hui các ngày 15/02a1/2021, 25/02a1/2021 và 19/6a1/2020 do bà X lập, thể hiện bà X làm chủ hui, ông S tham gia cùng nhiều hui viên khác; thực hiện giao dịch hui thì bà X tự ý ngưng hui, không được sự đồng ý của các hui viên đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hui; các dây hui đều chưa kết thúc nên ông S yêu cầu bà X trả lại toàn bộ số tiền hui đã góp cho bà X là có cơ sở.

Đối với yêu cầu buộc ông N (chồng bà X) phải liên đới cùng bà X trả số tiền 241.190.000 đồng. Ông S cho rằng trong thời gian làm chủ hui, bà X và ông Nhi là vợ chồng và việc bà X làm chủ hui để làm vốn và sinh hoạt trong gia đình. Tại biên bản xác minh ngày 23/5/2022 của Tòa án: ông N, bà X chung sống với nhau từ năm 1979 nhưng không đăng ký kết hôn, thuộc trường hợp hôn nhân thực tế, xác định ông X, bà N là vợ chồng. Tuy nhiên, ngoài căn cứ này, ông S không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc bà X làm chủ hui ông N có hưởng lợi, hoặc dùng tiền chơi hui vào mục đích nhu cầu thiết yếu của gia đình nên không có cơ sở xem xét buộc ông N có nghĩa vụ liên đới trả tiền cho ông S.

Đối với số tiền 66.810.000 đồng, ông S tự nguyện rút lại nên cần đình chỉ xét xử theo quy định pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 471 Bộ luật Dân sự, các Điều 217, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 18, 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Trường S đối với số tiền 66.810.000 đồng.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Trường S đối với bà Trần Thị X.

- Buộc bà Trần Thị X có nghĩa vụ trả cho ông Phan Trường S (Chế L) số tiền 241.190.000 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu buộc ông Nguyễn Ngọc N liên đới cùng bà X trả số tiền 241.190.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Theo đơn khởi kiện, ông S yêu cầu bà X, ông N trả tiền nợ hui. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp “*hợp đồng dân sự, hui*” là đúng quy định pháp luật.

[2] *Về thẩm quyền:* Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã M, huyện C căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

[3] *Về sự vắng mặt của đương sự:* bị đơn Trần Thị X, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Ngọc N tuy được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về nội dung:*

[4.1.] *Căn cứ xác lập và thực hiện hợp đồng:*

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn Phan Trường S cho rằng bà Trần Thị X làm chủ nhiều dây hui có nhiều hui viên tham gia, trong đó ông tham gia 04 dây, ông đã đóng nhiều kỳ trong các dây, hui chưa mãn nhưng bà X tự ý ngưng hui và bỏ địa phương đi cho đến nay. Tổng cộng 04 dây hui trên ông đã đóng cho bà X với số tiền 308.000.000 đồng, bà X ngưng hui, cố tình né tránh không trả tiền hui, mặc dù ông đã nhiều lần đòi tiền hui. Giữa bà Trần Thị X và ông Nguyễn Ngọc N là vợ chồng, hôn nhân vẫn còn tồn tại, còn chung sống cùng nhau; bà X làm chủ hui để làm vốn kinh doanh và sinh hoạt chung trong gia đình. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án buộc bà X và ông N có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền 308.000.000 đồng (Ba trăm lẻ tám triệu), không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa ông S tự nguyện rút lại một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 66.810.000 đồng; ông chỉ yêu cầu bà X, ông N (chồng bà X) trả số tiền nợ hui 241.190.000 đồng, đây là số tiền thực tế ông đã đóng hui cho bà X; không yêu cầu tính lãi suất.

[4.2] *Căn cứ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Kèm theo đơn khởi kiện, ông S cung cấp 04 sổ hụi, trong từng sổ hụi đều thể hiện cụ thể hụi viên “Chế L” (tên gọi của ông S khi tham gia chơi hụi) và những hụi viên khác cùng tham gia. Bà X trực tiếp đứng ra làm chủ hụi với nhiều dây hụi, nhiều hụi viên tham gia trong đó có ông S; đã trực tiếp đóng nhiều kỳ tại các dây hụi, hụi chưa mãn nhưng bà X đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi, tự ý ngưng hụi, không trả tiền hụi, bỏ địa phương đi cho đến nay.

Tại biên bản xác minh do Cán bộ Tòa án lập ngày 31/5/2022 được đại diện Ủy ban nhân dân xã H cung cấp thông tin: “bà Trần Thị X (tên gọi khác là Sáu X) là vợ ông Nguyễn Ngọc N nơi cư trú tại ấp M, xã H; bà X làm chủ nhiều dây hụi, khi có thông tin bà X bỏ địa phương đi cho đến nay có nhiều hụi viên đến trình báo, địa phương hướng dẫn khởi kiện theo thủ tục dân sự tại Tòa án”.

Thu thập chứng cứ, các biên bản lấy lời khai của những hụi viên tham gia cùng ông S tại 04 dây hụi, được các hụi viên Cao Thị N, Nguyễn Thị T.H, Sử Thị C.V đều xác định tại các dây hụi trên, các bà có tham gia chơi hụi do bà X làm chủ cùng với ông “Chế L”, do là người cùng địa phương với nhau nên bà biết rõ ông “Chế L” nên khi Cán bộ Tòa án làm việc mới biết tên thật là Phan Trường S, hụi chưa mãn nhưng bà X tự ý ngưng giao dịch và bỏ địa phương đi; khi giao dịch hụi với bà X thì các bà chỉ giao dịch với bà X, không thỏa thuận gì với ông N, các lần này đều không có ông N tham gia.

Mặt khác, bà X đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của ông S về việc giao dịch hụi, số tiền nợ hụi. Vì vậy, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của ông Sơn là có căn cứ, được xem xét chấp nhận.

Với những phân tích trên, có căn cứ xác định việc ông S thỏa thuận chơi hụi với bà X là giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật; Trong quá trình thực hiện giao dịch bà X với tư cách là chủ hụi đã vi phạm nghĩa vụ đối với hụi viên, thu tiền tại các dây hụi, hụi chưa mãn nhưng không trả lại tiền hụi cho hụi viên đã đóng; Vì vậy, việc ông S khởi kiện yêu cầu bà X có nghĩa vụ trả số tiền nợ hụi là có cơ sở. Ông S thay đổi yêu cầu, rút lại một phần yêu cầu so với đơn khởi kiện, do hụi chưa mãn nên ông chỉ yêu cầu bà X trả số tiền hụi mà ông đã đóng cho bà X tại các dây hụi 241.190.000 đồng, rút lại yêu cầu đối với số tiền 66.810.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông S đối với số tiền 66.810.000 đồng, là tự nguyện nên đình chỉ xét xử theo quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu buộc ông Nguyễn Ngọc N (chồng bà X) có nghĩa liên đới cùng bà X trả số tiền 241.190.000 đồng. Ông S đưa ra lý do trong thời gian làm chủ hụi, bà X và ông N là vợ chồng, việc bà X làm chủ hụi để làm vốn kinh doanh và dùng vào sinh hoạt, nhu cầu thiết yếu chung trong gia đình. Tuy nhiên, ông S xác định khi tham gia giao dịch và đóng tiền hụi thì ông chỉ giao dịch với bà X; trong

việc thỏa thuận cũng như tất cả các lần giao dịch hui ông N hoàn toàn không tham gia, ông cũng không cung cấp được chứng cứ nào thể hiện việc ông N có hưởng lợi hay sử dụng tiền bà X thu hui vào mục đích nhu cầu thiết yếu của gia đình, số tiền các bên giao dịch hui lớn nên không có cơ sở xem xét yêu cầu của ông S buộc ông N có nghĩa vụ liên đới cùng bà X trả tiền hui cho ông.

[4.2] Về lãi suất, nguyên đơn không yêu cầu, không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 144; khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn Trần Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch trên số tiền phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 18, 23 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Trường S (Chế L) đối với bà Trần Thị X (Sáu X).

Buộc bà Trần Thị X (Sáu X) có nghĩa vụ trả cho ông Phan Trường S (Chế L) số tiền nợ hui 241.190.000 đồng (*hai trăm bốn mươi một triệu một trăm chín mươi nghìn*).

Không chấp nhận yêu cầu của ông Phan Trường S (Chế L) yêu cầu ông Nguyễn Ngọc N liên đới cùng bà Trần Thị X (Sáu X) trả nợ hui.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Trường S đối với số tiền 66.810.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông Phan Trường S (Chế L) được hoàn lại số tiền 7.700.000 đồng (bảy triệu bảy trăm nghìn) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010058 ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Bà Trần Thị X (Sáu X) phải chịu 12.059.000 đồng (mười hai triệu không trăm năm mươi chín nghìn) án phí dân sự sơ thẩm.

3. *Quyền kháng cáo*: nguyên đơn Phan Trường S (Chế L) có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Đối với, bà Trần Thị X (Sáu X), ông Nguyễn Ngọc N vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND H. C;
- Chi cục THADS H. C;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Phong